

Phần hai
HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI TRONG TOÁN 2

1. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG
ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 100
(2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Ôn tập các số đến 100:
 - Đọc số, viết số.
 - So sánh các số, thứ tự số.
 - Đếm thêm 1, 2, 5, 10.
 - Cấu tạo thập phân của số.
 - Vị trí, số thứ tự.
- Bổ sung:
 - Làm quen thuật ngữ *chữ số*.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

Phẩm chất: trách nhiệm.

B. Thiết bị dạy học

GV: 1 thanh chục và 8 khối lập phương, hình vẽ bài Vui học.

HS: 1 thanh chục và 8 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

Múa hát tập thể tạo không khí lớp học vui tươi.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

HS **quan sát** bảng các số từ 1 đến 100, **nhận biết**: bảng gồm 10 hàng và 10 cột.

1. Đọc số

- HS (nhóm bốn) **đọc** các yêu cầu, **nhận biết** nhiệm vụ rồi thảo luận.
- Sửa bài: HS trình bày theo yêu cầu của GV.

- a) GV cho HS **đọc** nối tiếp, mỗi em **đọc** một hàng số (10 số).
 – Đọc các số từ 1 đến 100.
 – Đọc các số từ 100 đến 1.
- b) HS đọc các số tròn chục: 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90, 100.
 GV chốt: đếm thêm 10 (có thể sử dụng trong đếm nhanh).
- c) HS đọc các số cách 5 đơn vị: 5, 10, 15, 20, 25, 30, 35, 40, 45, 50, 55, 60, 65, 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100.
 GV chốt: đếm thêm 5 (có thể sử dụng trong đếm nhanh).

2. Thứ tự các số trong bảng

- HS (nhóm bốn) **đọc** các yêu cầu, nhận biết nhiệm vụ, thảo luận.
 GV lưu ý HS lời bạn ong: “Từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.”
- GV có thể hướng dẫn HS chơi “Ném gòn (ném bóng)” để sửa bài.
- a) Các số trong bảng được sắp xếp theo thứ tự **từ bé đến lớn** (tính từ trái sang phải, từ trên xuống dưới).
 GV có thể chỉ vào bảng số cho HS đọc một vài số để minh họa.
- b) Các số trong cùng một hàng (không kể số cuối cùng) có **số chục giống nhau**.
- c) Các số trong cùng một cột có **số đơn vị giống nhau**.
 GV có thể chỉ vào hai số liền nhau trong cùng một cột để giới thiệu thêm cách đếm thêm chục.
- d) Nhìn hai số trong cùng một hàng, ta nói ngay: **số bên phải lớn hơn số bên trái** (so sánh số đơn vị).
 Nhìn hai số trong cùng một cột, ta nói ngay: **số ở hàng dưới lớn hơn số ở hàng trên** (so sánh số chục).

GV có thể chỉ vào hai số bất kì trong cùng một hàng (hay cùng một cột) cho HS nhận xét.

3. So sánh các số

- a) – Phân tích mẫu

HS so sánh 37 và 60 (bảng con).

GV chọn hai em có hai cách trình bày khác nhau, nói cách làm của mình trước lớp.

$$37 < 60$$

3 chục bé hơn 6 chục nên $37 < 60$

$$60 > 37$$

6 chục lớn hơn 3 chục nên $60 > 37$

Cả lớp nhận xét bài làm của bạn rồi tự nhận xét bài làm của mình.

GV nhận xét.

- HS đọc yêu cầu, **nhận biết** nhiệm vụ, xem lại mẫu.

HS làm việc nhóm đôi (mỗi em ghi một cách so sánh).

Sửa bài: hai nhóm làm nhanh nhất trình bày trước lớp (mỗi nhóm một câu)

$79 > 74$; $52 > 25$ hay $74 < 79$; $25 < 52$.

- GV chốt: ôn lại các cách so sánh.
 - Số có hai chữ số lớn hơn số có một chữ số.
 - So sánh số chục, số nào có số chục lớn hơn là số lớn hơn.
 - Số chục bằng nhau, so sánh số đơn vị, số nào có số đơn vị lớn hơn là số lớn hơn.
 - Có thể dựa vào bảng số.

b) Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn.

Tương tự câu a.

- Từ bé đến lớn: 38, 43, 70; 9, 29, 82, 87.

4. Làm theo mẫu

- Phân tích mẫu:

GV cho HS thảo luận nhóm đôi, tìm hiểu mẫu:

- Có mấy việc phải làm?
- Đó là những việc gì?

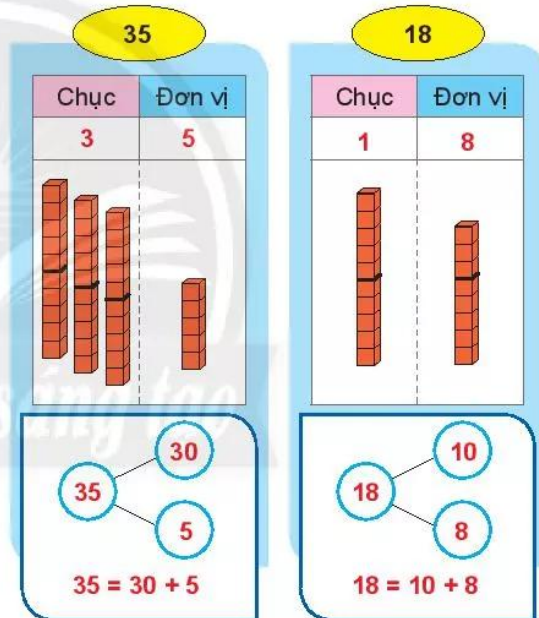
- HS trình bày những việc phải làm:

- Viết số.
- Viết số chục – số đơn vị.
- Dùng thanh chục và khối lập phương để thể hiện số.
- Viết số vào sơ đồ tách – gộp số.
- Viết số thành tổng của số chục và số đơn vị.

- GV chốt: có 5 việc, trong sách có 1 việc, các em sẽ làm tiếp 4 việc nữa cho hoàn thiện.

GV có thể vận dụng phương pháp các mảnh ghép, tổ chức cho HS thực hiện vào bảng con (nhóm bốn).

- Sửa bài: GV có thể tổ chức cho HS chơi tiếp sức để điền vào sơ đồ trên bảng lớp.



LUYỆN TẬP

Bài 1:

- GV cho HS **đọc** yêu cầu
- HS thảo luận (nhóm bốn) tìm cách làm: thêm 1, thêm 2, thêm 5, thêm 10.
- HS làm cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm bốn.
- Sửa bài: GV gọi HS đọc bài làm theo nhóm (mỗi nhóm đọc 1 dãy số), GV khuyến khích HS **nói** cách làm.

Cả lớp nhận xét.

- GV chốt:
 - Thêm 1: 21, 22, 23, **24, 25, 26, 27**, 28, **29, 30**.
 - Thêm 2: 30, 32, **34, 36, 38, 40, 42, 44**, 46, **48**.
 - Thêm 5: 5, 10, 15, **20, 25, 30, 35, 40, 45**, 50.
 - Thêm 10: 10, **20, 30, 40, 50, 60, 70, 80, 90, 100**.
- Mở rộng: Để đếm nhanh, trong một số trường hợp nên đếm thêm 1, thêm 2, thêm 5, thêm 10, cho ví dụ.
 - Thêm 1: Số lượng ít.
 - Thêm 2: Số lượng nhiều, đặc biệt khi xuất hiện các “cặp”.
Ví dụ: Đếm chân của nhiều con vật 2 chân (gà, vịt, chim, ...).
 - Thêm 5: Khi có các nhóm 5.
Ví dụ: Mỗi hộp có 5 cái bánh, ...
 - Thêm 10: Những thứ để thành từng chục.
Ví dụ: Bó hoa, xôi bánh ú, chục trứng, hộp bút sáp 10 cái, ...

Bài 2:

- **Tìm hiểu bài:** GV vấn đáp giúp HS **nhận biết** yêu cầu bài.
Thay dấu (?) bằng số thích hợp.
- **Làm bài:**
HS tìm cách làm “Đếm nhanh” (đếm thêm 2 vì HS chơi theo cặp, 2 em/nhóm).
HS làm bài (cá nhân) rồi nói với bạn câu trả lời.
(GV lưu ý: làm dấu khi đếm, đếm lần lượt để không bị trùng lặp).
- **Sửa bài:**
GV gọi vài HS **nói** trước lớp – cả lớp nhận xét.
GV chốt: Có **18** bạn tham gia trò chơi.

Bài 3: Tương tự bài 2.

GV giúp HS biết đếm nhanh (đếm thêm 5).

Kết quả: **35**.

Thử thách

- Tìm hiểu đề bài: **nhận biết** yêu cầu, **xác định** nhiệm vụ.
Khay **cuối cùng** có bao nhiêu cái **bánh**?
- Tìm cách làm: HS thảo luận (nhóm bốn).
HS **đếm** và **viết** số bánh trên năm khay theo thứ tự: **2, 7, 12, 17, 22** (đếm thêm 5).
- Làm bài: HS làm bài cá nhân.
- Kiểm tra: HS chia sẻ trong nhóm để kiểm tra lại kết quả.
- Sửa bài: GV gọi vài em **đọc** kết quả, **nói** cách làm.
- GV chốt: HS có thể có cách làm khác nhau, lí luận đúng để tìm được kết quả đúng thì chấp nhận. Khay cuối cùng có **27** cái bánh.

Vui học

GV có thể nói câu chuyện, giới thiệu hình vẽ, giúp HS xác định quy định các phòng học, đọc thẻ số của các bạn thú.

GV cho HS đọc yêu cầu.

HS thảo luận nhóm đôi.

HS **nói** cho nhau nghe.

HS **nói** trước lớp, GV khuyến khích HS vừa nói vừa chỉ vào hình vẽ trên bảng lớp.

Cả lớp nhận xét.

Mở rộng: GV có thể cho HS liên hệ thực tế: vào đúng phòng, ngồi đúng chỗ, ...

CỦNG CỐ

GV có thể cho HS chơi: Đố bạn?

Một HS đọc 2 số trong bảng số.

Cả lớp viết vào bảng con rồi điền dấu so sánh.

Có thể chơi 3 lần để xác định đội thắng (đội nào đúng nhiều hơn thì thắng cuộc).

Hoạt động thực tế

Cùng người thân chơi trốn tìm để tập đếm thêm 5: 5, 10, 15, 20, ..., 100